CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

FireAnt

CTCP BV Land

Ngày 15/01/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.8%	-	-

DT thuần
Q4/23
371
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.0| 21.8%
YoY: ▼13.0| -3.3%

LN thuần
Q4/23
20.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.4| -41.1%
YoY: ▼19.2| -48.2%

LN sau thuế
Q4/23
17.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.7| -39.9%
YoY: ▼13.5| -43.4%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
10.7%
YoY: +/-▼ 6.7%

ROE
2023
3.9%
YoY: +/-▼ 16.3%

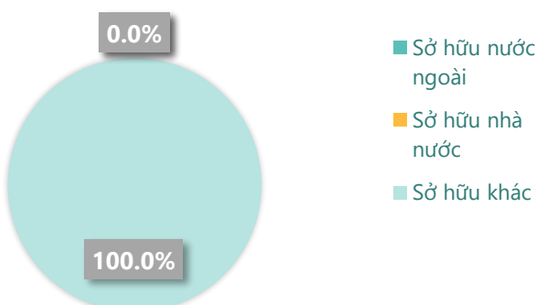
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,800 - 22,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	688
Số lượng CPLH (CP)	57,312,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,830
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.97
EPS	649
P/E	18.5

DT thuần
2023
1,035
tỷ VNĐ
YoY: ▼123| -10.6%

LN thuần
2023
66.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼50.9| -43.6%

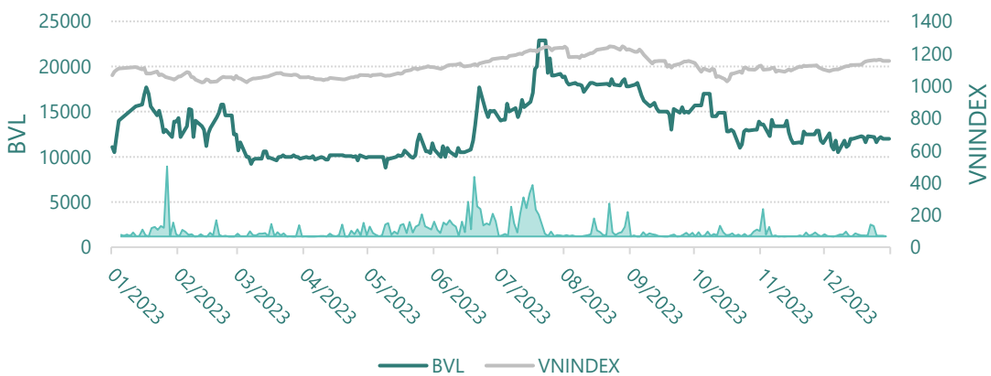
LN sau thuế
2023
54.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼89.1| -61.9%

Cơ cấu sở hữu

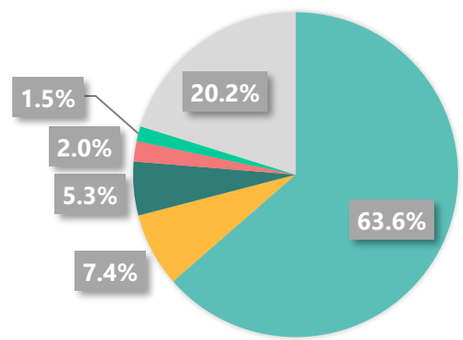


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

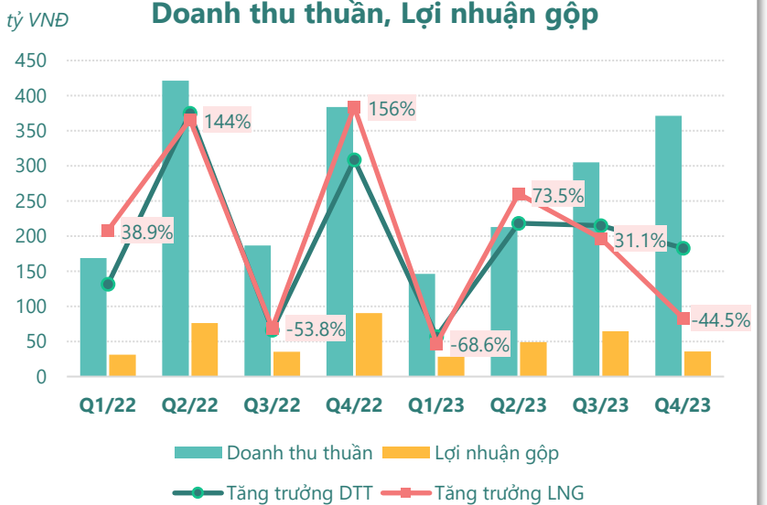


- CTCP Tập đoàn Bách Việt
- CTCP BV Asset
- Tạ Thu Thanh
- Nguyễn Tân Thành (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Vũ Thiện (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

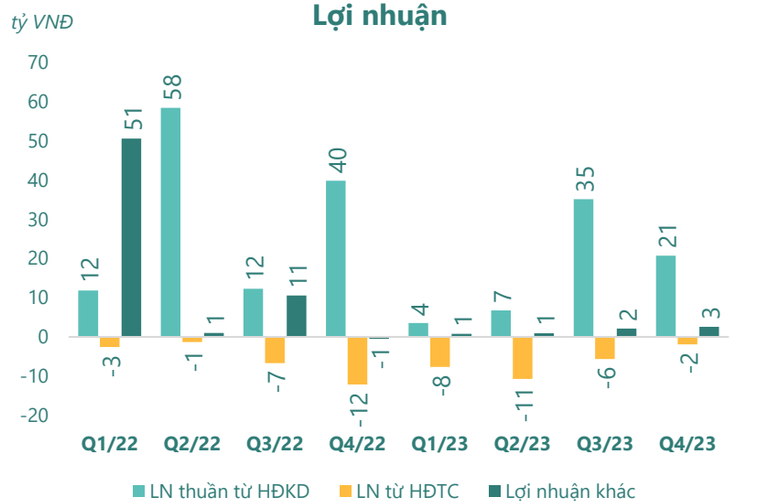
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



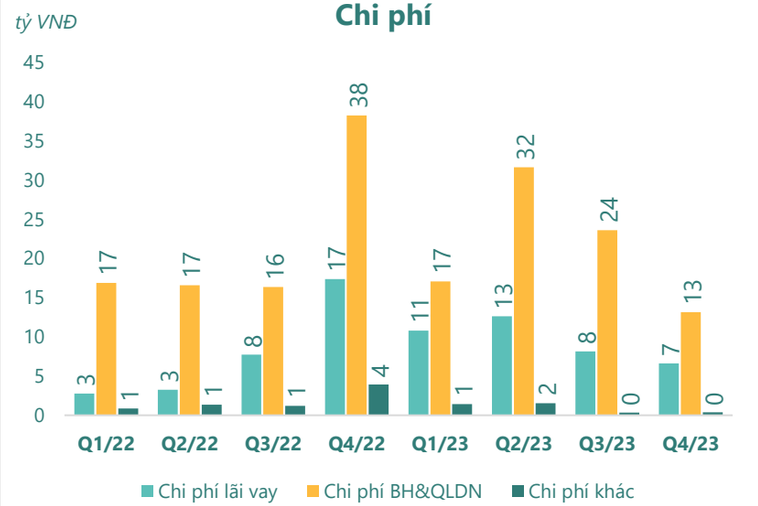
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



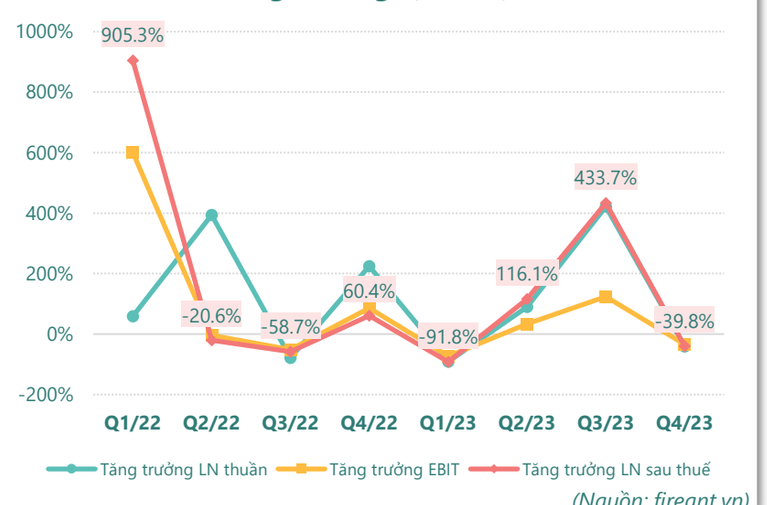
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



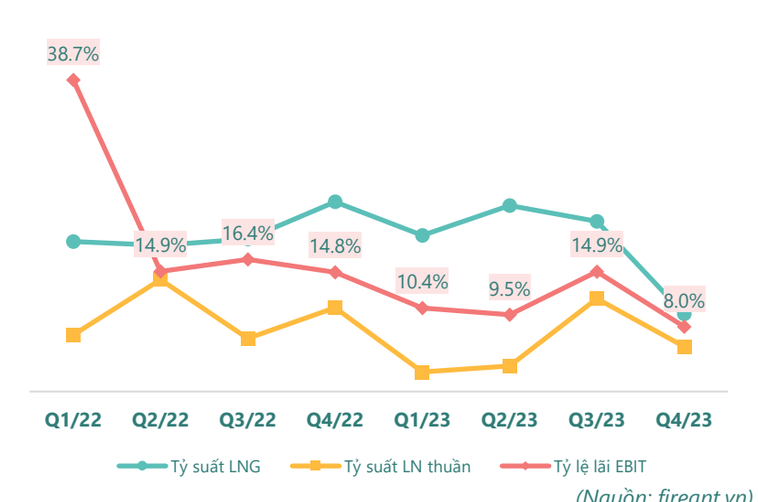
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



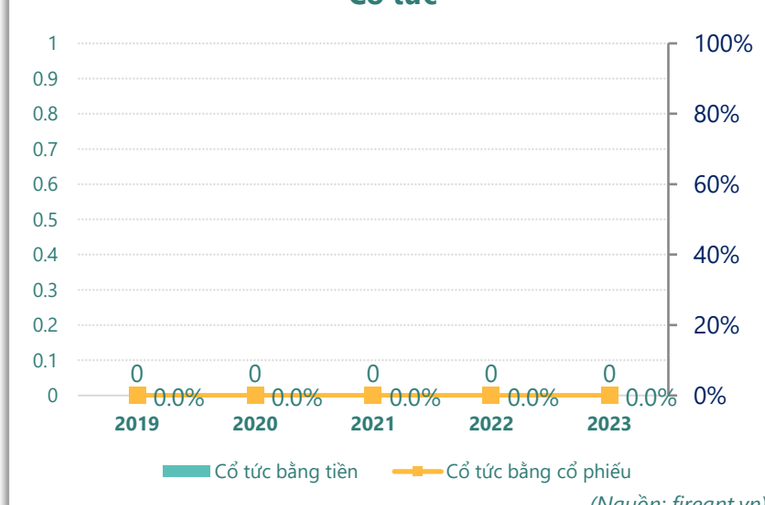
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

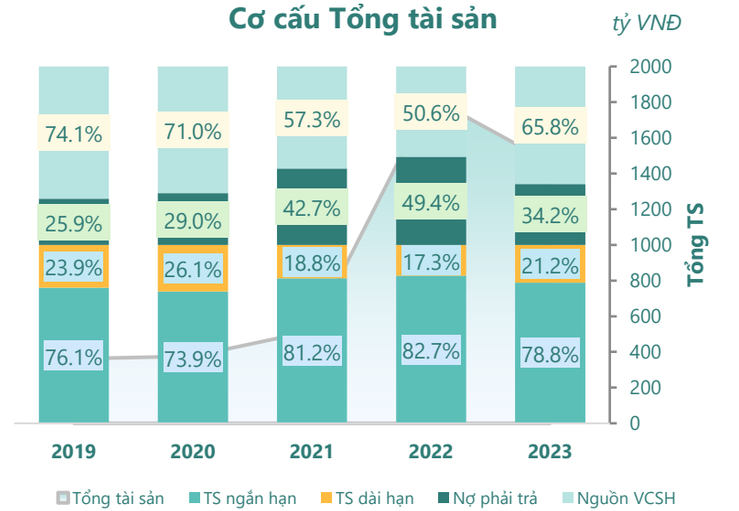
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

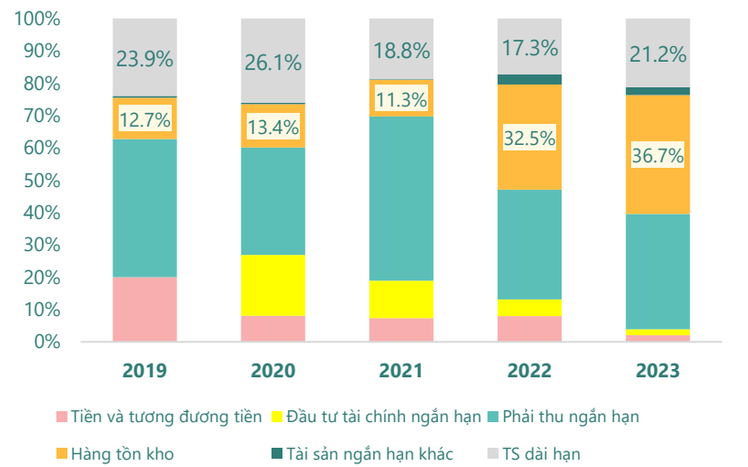
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



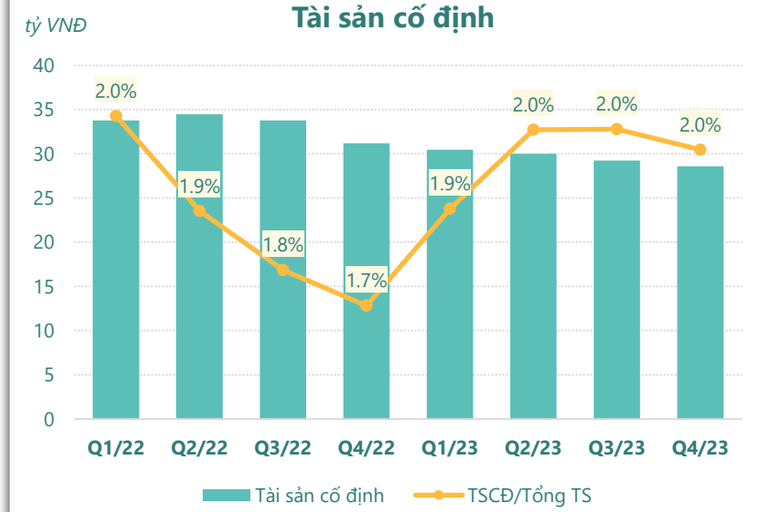
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



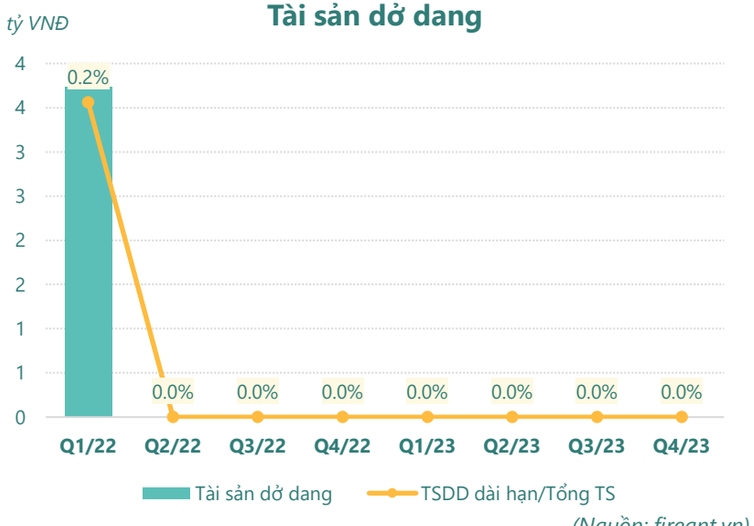
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



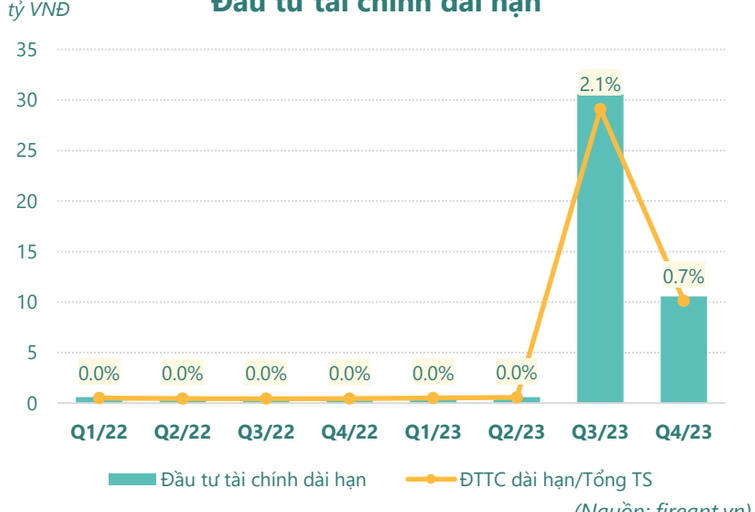
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



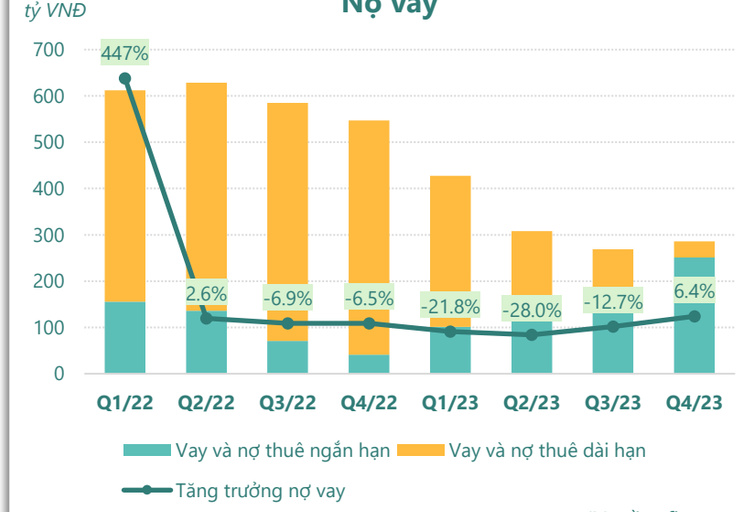
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

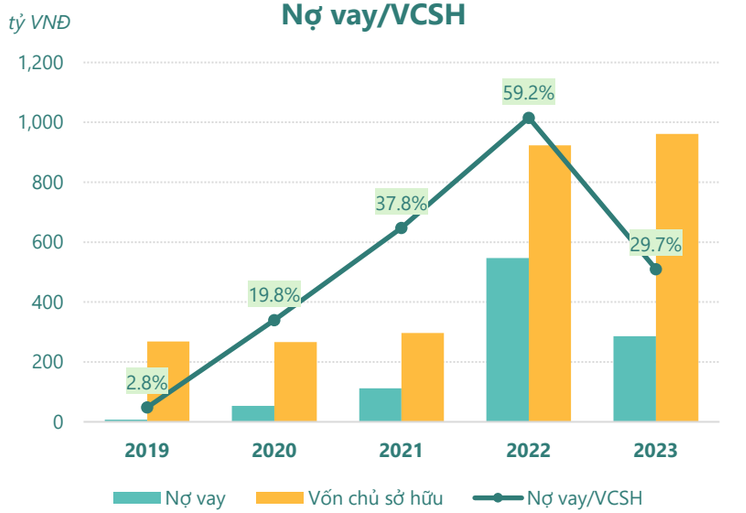
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

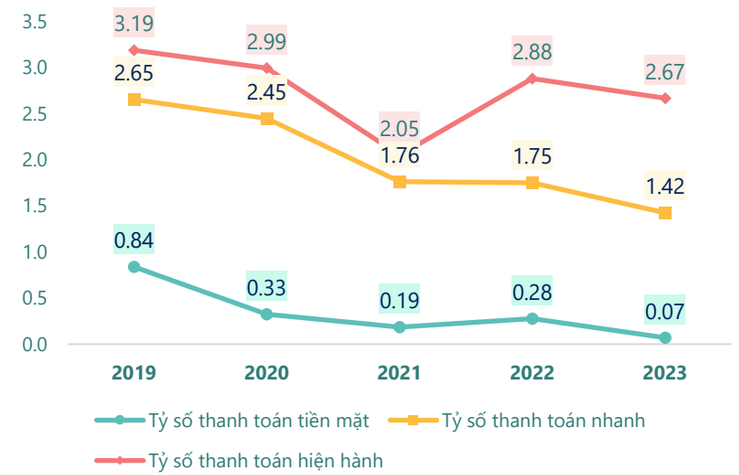
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



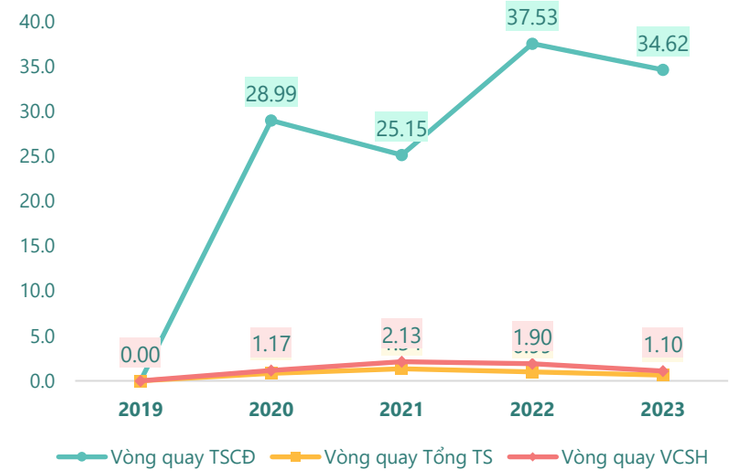
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



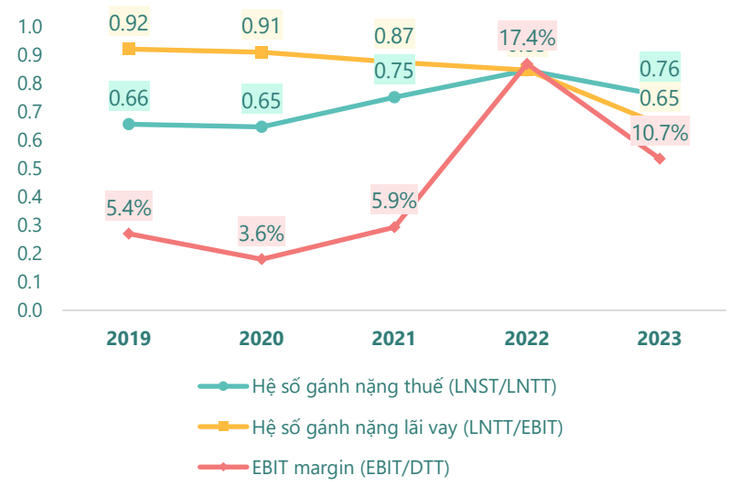
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



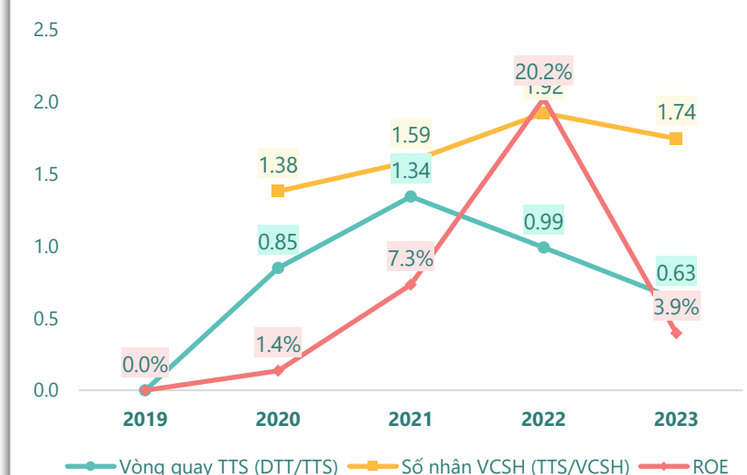
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



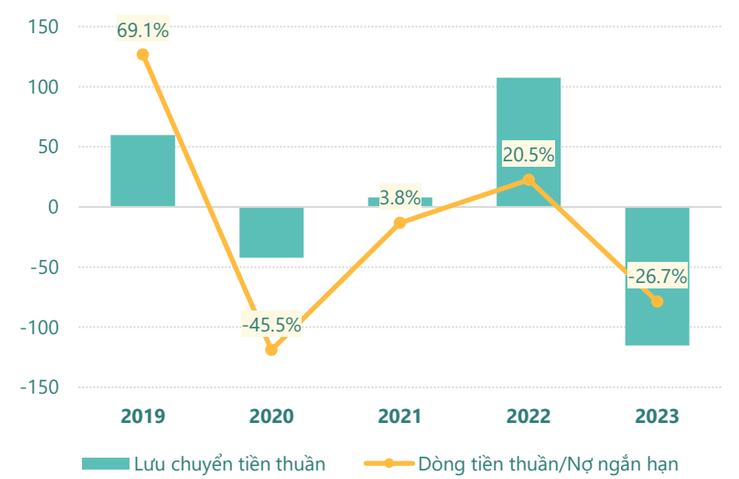
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**371**	**384**	**-3.3%**	**1,035**	**1,158**	**-10.6%**
Giá vốn hàng bán	336	293	14.6%	858	925	-7.3%
Lợi nhuận gộp	35.7	90.2	-60.4%	178	233	-23.8%
Doanh thu HĐTC	5.85	5.47	6.9%	16.5	11.7	40.5%
Chi phí TC	7.75	17.6	-56.0%	42.4	34.3	23.8%
Chi phí lãi vay	6.62	17.4	-62.0%	38.2	30.9	23.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.34	28.3	-77.6%	52.1	48.6	7.2%
Chi phí QLDN	**6.81**	**9.90**	**-31.2%**	**33.4**	**44.9**	**-25.6%**
LN thuần từ HĐKD	20.7	39.9	-48.2%	66.1	117	-43.6%
Lợi nhuận khác	**2.54**	**-0.52**	**589%**	**6.36**	**53.3**	**-88.1%**
LN trước thuế	23.2	39.3	-40.9%	72.4	170	-57.5%
Lợi nhuận sau thuế	**17.6**	**31.1**	**-43.4%**	**54.9**	**144**	**-61.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.3**	**23.8**	**-48.5%**	**37.2**	**123**	**-69.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	161	9.17	24.0	109	100	-33.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.9	68.3	7.45	52.1	-25.0	-74.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.7	-38.1	-119	-120	-52.4	16.2
Tiền đầu kỳ	140	170	145	58.0	99.0	122
Lưu chuyển tiền thuần	**30.2**	**39.4**	**-87.4**	**41.0**	**22.8**	**-91.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	170	210	58.0	99.0	122	30.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**1,460**	**1,825**	**-20.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,150	1,510	-23.8%
Tiền và tương đương tiền	30.2	145	-79.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.1	94.0	-72.3%
Phải thu ngắn hạn	521	620	-15.9%
Hàng tồn kho	536	593	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	36.5	58.1	-37.1%
Tài sản dài hạn	**310**	**315**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	1.56	1.23	26.6%
Tài sản cố định	28.6	31.2	-8.5%
Bất động sản đầu tư	232	238	-2.3%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	10.6	0.60	1658%
Tài sản dài hạn khác	**3.69**	**4.64**	**-20.6%**
Lợi thế thương mại	33.1	39.8	-16.7%
Nợ phải trả	499	902	-44.7%
Nợ ngắn hạn	**431**	**524**	**-17.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	251	201	24.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.4	125	-79.7%
Nợ dài hạn	67.8	378	-82.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.6	346	-90.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**961**	**923**	**4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**961**	**923**	**4.1%**
Vốn điều lệ	573	573	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)